

Công 72

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~101~~/KH-UBND

Tam Đảo, ngày 04 tháng 4 năm 2019

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững năm 2019

Căn cứ Quyết định số 1614/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tổng thể chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều sang đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 9104/KH-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Vĩnh phúc Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 25/3/2019 của UBND tỉnh Vĩnh phúc Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Tam Đảo lần thứ III, nhiệm kỳ 2015-2020;

UBND huyện Tam Đảo xây dựng kế hoạch giảm nghèo bền vững năm 2019, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2018.

1. Kết quả đạt được:

Tổng số hộ điều tra, rà soát trên địa bàn huyện là: 24.365 hộ

+ Tổng số hộ nghèo trên địa bàn huyện là: 1.127 hộ, chiếm tỷ lệ 4,63%, giảm 1,4% so với năm 2017.

* *Cụ thể từng xã:*

Số hộ nghèo xã Đạo Trù: 279 hộ, chiếm tỷ lệ 7,14%; giảm 1,46% so với năm 2017.

Số hộ nghèo xã Yên Dương: 95 hộ, chiếm tỷ lệ 6,03%; giảm 1,78% so với năm 2017.

Số hộ nghèo xã Bồ Lý: 119 hộ, chiếm tỷ lệ 5,78%; giảm 1,61% so với năm 2017.

Số hộ nghèo xã Tam Quan: 194 hộ, chiếm tỷ lệ 4,53%; giảm 1,95% so với năm 2017.

Số hộ nghèo xã Minh Quang: 171 hộ, chiếm tỷ lệ 4,63%; giảm 0,93% so với năm 2017.

Số hộ nghèo xã Đại Đình: 106 hộ, chiếm tỷ lệ 3,32%; giảm 1,23% so với năm 2017.

Số hộ nghèo xã Hồ Sơn: 75 hộ, chiếm tỷ lệ 3,29%; giảm 0,87% so với năm 2017.

Số hộ nghèo xã Hợp Châu: 88 hộ, chiếm tỷ lệ 2,84%; giảm 1,16% so với năm 2017.

Thị trấn Tam Đảo không có hộ nghèo.

+ Tổng số hộ cận nghèo trên địa bàn huyện là: 2.408 hộ, chiếm tỷ lệ 9,88%; giảm 2,07% so với cùng kỳ năm 2017.

* *Cụ thể từng xã:*

Số hộ cận nghèo xã Đạo Trù: 770 hộ, chiếm tỷ lệ 19,70%; giảm 5,91% so với cùng kỳ năm 2017.

Số hộ cận nghèo xã Bồ Lý: 385 hộ, chiếm tỷ lệ 18,69%; giảm 2,18% so với cùng kỳ năm 2017.

Số hộ cận nghèo xã Yên Dương: 290 hộ, chiếm tỷ lệ 18,41%; giảm 1,52% so với cùng kỳ năm 2017.

Số hộ cận nghèo xã Tam Quan: 485 hộ, chiếm tỷ lệ 11,32%; giảm 1,85% so với cùng kỳ năm 2017.

Số hộ cận nghèo xã Đại Đình: 135 hộ, chiếm tỷ lệ 4,23%; tăng 1,08% so với cùng kỳ năm 2017.

Số hộ cận nghèo xã Minh Quang: 181 hộ, chiếm tỷ lệ 4,90%; giảm 0,04% so với cùng kỳ năm 2017.

Số hộ cận nghèo xã Hợp Châu: 90 hộ, chiếm tỷ lệ 2,91%; giảm 1,50% so với cùng kỳ năm 2017.

Số hộ cận nghèo xã Hồ Sơn: 72 hộ, chiếm tỷ lệ 3,16%; giảm 0,54% so với cùng kỳ năm 2017.

Thị trấn Tam Đảo không có hộ cận nghèo.

II. ĐÁNH GIÁ ƯU ĐIỂM, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN:

1. Ưu điểm:

Cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp từ huyện đến cơ sở đã nhận thức đầy đủ mục đích, yêu cầu của việc điều tra, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020. Từ đó đề cao vai trò trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo đúng quy trình, đánh giá đúng thực trạng làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch giảm nghèo bền vững hàng năm.

Tuyên truyền rộng rãi đến mọi người dân về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, nhà nước đối với hộ nghèo và người nghèo. Tập trung mọi nguồn lực, tạo mọi điều kiện tốt nhất giúp đỡ người nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững.

2. Hạn chế:

Vẫn còn một số thành viên Ban chỉ đạo cấp xã chỉ đạo và tổ chức thực hiện còn chậm, kế hoạch triển khai chưa cụ thể, thông tin báo cáo chưa kịp thời.

Một số điều tra viên thu thập thông tin ghi phiếu điều tra còn sơ sài, trách nhiệm chưa cao do việc tinh giảm bộ máy, nghỉ không tham gia trường thôn nữa..., do đó đã ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ thời gian thực hiện cập nhật phần mềm và giải quyết chế độ chính sách cho người nghèo.

3. Nguyên nhân:

Một số xã chưa xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể đến từng hộ nghèo về công tác giảm nghèo bền vững, chỉ đạo việc điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa sát sao, thiếu kiểm tra, giám sát ở cấp thôn.

Chủ yếu giao cho cán bộ chuyên môn và bí thư chi bộ, trưởng thôn là chính.

Một số thành viên BCD chưa nêu cao vai trò, trách nhiệm tích cực trong việc chỉ đạo địa bàn được giao phụ trách.

Công tác điều tra ở các thôn đôi khi còn chủ quan về cách chấm điểm và ghi thông tin hộ nên vẫn còn thiếu sót xảy ra.

Là huyện miền núi, tỷ lệ hộ nghèo còn cao so với tỉnh, địa hình rộng, nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nên khó khăn trong việc điều tra, rà soát, đánh giá cũng như xây dựng kế hoạch giảm nghèo bền vững.

Phần mềm quản lý hộ nghèo liên tục thay đổi và nâng cấp nên khó khăn cho cán bộ cập nhật thông tin vào phần mềm.

Kinh phí cấp huyện, cấp xã, hầu như không có hỗ trợ cho công tác điều tra, rà soát, kiểm tra, phúc tra và triển khai kế hoạch giảm nghèo bền vững hàng năm.

III. KẾ HOẠCH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2019.

1. Mục tiêu:

1.1. Mục tiêu chung:

Cải thiện và nâng cao điều kiện sống của các hộ nghèo, hộ cận nghèo, ưu tiên các đối tượng thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn khó khăn, khu vực miền núi tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về công tác giảm nghèo góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống trong toàn huyện, giữa các nhóm dân cư, tạo cơ hội để người nghèo ổn định và đa dạng hóa việc làm, tăng thu nhập, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Thực hiện đồng bộ các chính sách đảm bảo an sinh xã hội, mở rộng đối tượng thụ hưởng các chính sách trợ giúp xã hội và thực hiện tốt Phong trào thi đua "*cả huyện chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau.*"

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách giảm nghèo bền vững để cải thiện điều kiện sống, cải thiện sinh kế và nâng cao điều kiện sống của người

nghèo, tạo điều kiện để đối tượng người nghèo được tiếp cận ngày càng thuận lợi hơn với các dịch vụ xã hội cơ bản.

Huy động mọi nguồn lực trợ giúp cho hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt như: hộ cao tuổi, mất sức lao động, khuyết tật, ốm đau, bệnh tật...

Thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo hợp lý về chênh lệch giàu nghèo giữa các thôn, các xã, thị trấn, khuyến khích phát triển tăng hộ khá, giàu, giảm hộ nghèo, hạn chế thấp nhất hộ tái nghèo.

Công tác quản lý theo dõi diễn biến hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận đa chiều được ứng dụng hệ thống phần mềm quản lý đồng bộ tại 3 cấp tỉnh, huyện, xã.

2. Các chỉ tiêu và giải pháp thực hiện:

2.1. Các chỉ tiêu chủ yếu phấn đấu đạt được:

Tỷ lệ hộ nghèo bình quân toàn huyện giảm từ 1-1,2% , phấn đấu đến cuối năm 2019 tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều còn dưới 3,5%. *(Có biểu phân bổ chỉ tiêu thực hiện của các xã, thị trấn kèm theo).*

100% đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ mới thoát nghèo và hộ cận nghèo được hưởng thụ các chính sách về y tế, giáo dục, trợ giúp pháp lý kịp thời, đầy đủ đúng quy định.

100% trẻ em mẫu giáo, học sinh phổ thông là con hộ nghèo, hộ cận nghèo được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định về học phí, chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn.

100% đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo được thụ hưởng đầy đủ, kịp thời các dịch vụ xã hội cơ bản theo quy định.

100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn để đầu tư sản xuất, kinh doanh được hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi từ ngân hàng chính sách xã hội huyện.

100% cán bộ công chức, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, và các đoàn thể được tập huấn kiến thức về kỹ năng quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách dự án giảm nghèo, lập kế hoạch có sự tham gia của người dân, phát triển cộng đồng.

Toàn huyện không còn hộ nghèo ở nhà tạm, nhà dột nát.

Người nghèo trong độ tuổi lao động có nhu cầu tìm kiếm việc làm đều được hỗ trợ đào tạo nghề và giới thiệu việc làm phù hợp.

2.2. Các giải pháp thực hiện:

Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách của Trung ương, của tỉnh về giảm nghèo, trong đó ưu tiên đẩy mạnh hỗ trợ người nghèo học nghề và giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động.

Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ chương trình giảm nghèo với tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Tiếp tục thực hiện các hoạt động hỗ trợ hộ nghèo, người nghèo thông qua các hoạt động trực tiếp, gián tiếp, cần đẩy mạnh hoạt động truyền thông về giảm nghèo, trợ giúp pháp lý, đối thoại chính sách.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối hợp của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội đối với công tác giảm nghèo tại cơ sở.

Đẩy mạnh việc tuyên truyền nhằm thay đổi nhận thức của người dân trong công tác giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động vươn lên của người nghèo và đa dạng hóa nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện chương trình, đề án trên địa bàn huyện, hình thức tổ chức đối thoại chính sách giảm nghèo theo hướng trực tiếp đối với người thụ hưởng chính sách.

Gắn công tác đào tạo nghề với giải quyết việc làm và giải quyết đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững. Phát huy mạnh mẽ tính dân chủ trong các hoạt động giảm nghèo, lắng ý kiến của người dân từ khâu xây dựng kế hoạch đến tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá kết quả.

Tiếp tục triển khai, thực hiện các chính sách hỗ trợ đặc thù của tỉnh đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo một cách nhanh chóng, giảm bớt thủ tục hành chính để người nghèo, cận nghèo tiếp cận, thụ hưởng chính sách kịp thời.

Tăng cường quản lý thông tin chi tiết về hộ nghèo, người nghèo tiếp cận đa chiều thống nhất từ cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thông qua hệ thống phần mềm quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Xã hội hóa công tác giảm nghèo thông qua phát động phong trào mỗi cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn huyện là những địa chỉ để giúp hộ nghèo có nhiều cơ hội thoát nghèo hơn.

Tích cực chuyển giao ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất nhằm thay đổi tập quán canh tác cũ, nâng cao trình độ thâm canh, chuyển đổi cơ cấu giống, cây trồng, vật nuôi thích hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương và khuyến khích người nghèo học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau trong phát triển sản xuất.

Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở để từ đó thay đổi phương pháp xây dựng kế hoạch, tiếp cận, tư vấn hộ nghèo ...

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động-TB&XH huyện:

Chủ trì phối hợp với các phòng, ban, ngành, đoàn thể hỗ trợ địa phương xây dựng và thực hiện Chương trình giảm nghèo, hướng dẫn thực hiện một số dự án, nhân rộng mô hình giảm nghèo, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát và tham mưu UBND huyện giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các chính sách giảm nghèo, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện công tác giảm nghèo định kỳ.

2. Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện:

Tham mưu UBND huyện bố trí kinh phí đảm bảo các hoạt động của Chương trình giảm nghèo; phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát thực hiện chương trình.

3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện:

Chủ trì phối hợp các đơn vị liên quan chỉ đạo triển khai thực hiện các hoạt động dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, hỗ trợ sản xuất, tăng thu nhập cho người nghèo; hướng dẫn thực hiện các chính sách, dự án về khuyến nông, khuyến ngư, phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề truyền thống trên địa bàn huyện. Lòng ghép các chương trình, dự án xây dựng Nông thôn mới với chương trình giảm nghèo bền vững.

Phụ trách tiêu chí thiếu hụt số 7, số 8 về: Nguồn nước sinh hoạt; Hồ xí, nhà tiêu hợp vệ sinh.

4. Phòng Tư pháp huyện:

Chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, giúp người nghèo nắm bắt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước.

5. Phòng Văn hóa và TT & TT huyện:

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về chính sách giảm nghèo nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng, ý nghĩa của Chương trình giảm nghèo; tuyên truyền các mô hình, cách làm hay, sáng tạo, có hiệu quả về giảm nghèo, thông qua đó nâng cao trách nhiệm về công tác giảm nghèo cho toàn xã hội.

Phụ trách tiêu chí thiếu hụt số 9, số 10 về: Sử dụng dịch vụ viễn thông, Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin.

6. Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện:

Chủ trì phối hợp các ban, ngành liên quan triển khai thực hiện các chính sách về nhà ở; hướng dẫn thực hiện các chính sách dự án về khuyến công, phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại- dịch vụ trên địa bàn huyện.

Phụ trách tiêu chí thiếu hụt số 5, số 6 về: Chất lượng nhà ở, Diện tích nhà ở.

7. Trung tâm Y tế và Bảo hiểm xã hội huyện:

Phối hợp thực hiện chính sách hỗ trợ về y tế trong hệ thống ngành, xây dựng kế hoạch thực hiện; có giải pháp cụ thể để hỗ trợ và thực hiện tốt công tác khám, điều trị bệnh cho người nghèo.

Phụ trách tiêu chí thiếu hụt số 1, số 2 về: Tiếp cận dịch vụ y tế, Bảo hiểm y tế; đánh giá người nghèo, người cận nghèo tiếp cận lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe.

8. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện:

Phối hợp, chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách trợ giúp trong giáo dục cho các em học sinh gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo; xây dựng kế hoạch và đề xuất các giải pháp cụ thể không để tình trạng trẻ em nghèo phải nghỉ học sớm.

Phụ trách tiêu chí thiếu hụt số 3, số 4 về: Trình độ giáo dục người lớn, Tình trạng đi học của trẻ em.

9. Ngân hàng Chính sách xã hội huyện:

Huy động nguồn vốn đảm bảo thực hiện tốt việc cho vay tín dụng ưu đãi hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác; quản lý vốn và thực hiện cho vay vốn đúng quy định, đúng đối tượng, tạo điều kiện cho người nghèo vay vốn nhanh gọn, hiệu quả.

10. Chi cục Thống kê huyện:

Trên cơ sở điều tra mức sống hộ dân cư tiên hành công bố tỷ lệ hộ nghèo chung (có cập nhật chỉ số giá tiêu dùng- CPI), tỷ lệ hộ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, chỉ số nghèo đa chiều.

11. Đề nghị Ủy ban MTTQ huyện và các Hội, Đoàn thể của huyện:

Chỉ đạo theo hệ thống ngành phụ trách xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo, đồng thời tiếp tục phát động và tổ chức thực hiện các phong trào để giúp đỡ người nghèo về tín dụng, y tế, giáo dục, nhà ở ... Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “ Ngày vì người nghèo”; kêu gọi các tổ chức cá nhân ủng hộ, giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo; hướng dẫn và đôn đốc các tổ chức thành viên ở các cấp, xây dựng và nhân rộng các mô hình điển hình tiến tiến về giảm nghèo có hiệu quả để thực hiện tốt phong trào “ cả huyện chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau.”

12. UBND các xã, thị trấn:

Căn cứ kế hoạch của UBND huyện, xây dựng Kế hoạch giảm nghèo bền vững trên địa bàn chi tiết, cụ thể đến từng thôn, xóm, khu dân cư và từng hộ gia đình; lồng ghép các nguồn vốn thực hiện Chương trình giảm nghèo; tổng hợp nhu cầu, cung cấp kế hoạch và lộ trình giảm nghèo cho các ban, ngành, đoàn thể phối hợp thực hiện chương trình, đánh giá kết quả thực hiện trên địa bàn và gửi kế hoạch năm 2019 về Thường trực Ban chỉ đạo huyện (Phòng Lao động TBXH) trước ngày 30/4/2019.

Trên đây là Kế hoạch giảm nghèo bền vững năm 2019 của UBND huyện Tam Đảo. Yêu cầu các ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan chuyên môn và các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Sở Lao động- TB&XH;
- TTHU, HĐND, UBND huyện;
- Các thành viên BCD huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể liên quan; công TT huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Hiệp

KẾ HOẠCH GIẢM NGHÈO, CẬN NGHÈO CUỐI NĂM 2019

(Ban hành kèm theo kế hoạch số 10/KH-UBND, ngày 04 tháng 4 năm 2019)

TT	Đơn vị	Thực trạng nghèo, cận nghèo cuối năm 2018										KH giảm nghèo, cận nghèo cuối năm 2019						Giảm so với cùng kỳ	
		Tổng số hộ trong xã 2018		Số hộ		Tỷ lệ (%)		Tổng số hộ trong xã 2019	Số hộ		Tỷ lệ (%)		Giảm so với cùng kỳ						
		Hộ cận nghèo	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ nghèo		Hộ cận nghèo	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ nghèo	Cận nghèo	Nghèo					
1	Xã Đạo Trù	3,908	770	279	19.70	7.14	3,908	650	215	16.63	5.50	-3.07	-1.64						
2	Xã Tam Quan	4,286	485	194	11.32	4.53	4,286	390	135	9.10	3.15	-2.22	-1.38						
3	Xã Yên Dương	1,575	290	95	18.41	6.03	1,575	200	70	12.70	4.44	-5.71	-1.59						
4	Xã Bồ Lý	2,060	385	119	18.69	5.78	2,060	300	90	14.56	4.37	-4.13	-1.41						
5	Xã Minh Quang	3,692	181	171	4.90	4.63	3,692	150	125	4.06	3.39	-0.84	-1.25						
6	Xã Hồ Sơn	2,280	72	75	3.16	3.29	2,280	60	60	2.63	2.63	-0.53	-0.66						
7	Xã Đại Đình	3,191	135	106	4.23	3.32	3,191	100	80	3.13	2.51	-1.10	-0.81						
8	Xã Hợp Châu	3,094	90	88	2.91	2.84	3,094	60	70	1.94	2.26	-0.97	-0.58						
9	TT. Tam Đảo	279	0	0	0.00	0.00	279	0	0	0.00	0.00	0.00	0.00						
	Tổng cộng	24,365	2,408	1,127	9.88	4.63	24,365	1,910	845	7.84	3.47	-2.04	-1.16						